

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/DS-ST.
Ngày 21-8-2023.
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Tạ Kỳ Trung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1959 – Có mặt;

Địa chỉ: **Khu phố L V, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.**

2. Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1968 – Có mặt.

Địa chỉ: **Khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.**

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1941 – Xin vắng mặt.

Địa chỉ: **Khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Võ Văn D**, sinh năm 1964 – Có mặt;

2. Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1970 – Có mặt;

3. Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1972 – Xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Cha bà tên Võ Văn A, sinh năm 1939, là liệt sĩ, hy sinh năm 1974; mẹ bà tên Nguyễn Thị G, sinh năm 1941. Cha, mẹ bà có tất cả 05 người con chung gồm: Bà là Võ Thị N; ông Võ Văn D; ông Võ Văn S; ông Võ Văn M và bà Võ Thị H. Ngoài ra, cha mẹ bà không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Cha, mẹ bà có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất đồng và đất ruộng diện tích 14.814,5m² (đo đạc thực tế là 14.477,2m²) tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221 tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do mẹ bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có căn nhà của cha, mẹ hiện mẹ bà và ông M đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, không còn tài sản nào khác.

Nguồn gốc đất do cha, mẹ mua của người khác, nhưng mua của ai và mua từ thời gian nào thì bà không biết. Chỉ biết khi bà được sinh ra thì đã có nhà, đất rồi. Khi cha bà hy sinh không để lại di chúc cũng chưa phân chia quyền sử dụng đất trên cho ai.

Từ khi cha bà chết, anh em bà và bà G vẫn chưa phân chia quyền sử dụng đất trên. Trước đây bà G có nói sẽ chia cho bà và ông S mỗi người 9m ngang đất đồng, nhưng chỉ nói miệng, khi bà yêu cầu bà G đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách thì bà G không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha bà để lại là quyền sử dụng đất diện tích 14.477,2m² tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do bà Nguyễn Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể, bà yêu cầu được chia phần đất ngang 6m, dài 60m trong thửa số 628, tờ bản đồ số 30 và 20 cao đất ruộng. Bà không tranh chấp các tài sản trên đất.

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn S trình bày:

Ông thừa nhận toàn bộ lời trình bày của bà N là đúng.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha ông để lại là quyền sử dụng đất diện tích 14.477,2m² tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272,

một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do bà Nguyễn Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Cụ thể ông yêu cầu được chia phần đất ngang 6m, dài 60m trong thửa số 628, tờ bản đồ số 30 và 20 cao đất ruộng. Ông không tranh chấp các tài sản trên đất.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà và ông A có tất cả 05 người con chung là Võ Thị N, Võ Văn D, Võ Văn S, Võ Văn M và Võ Thị H. Ngoài ra, bà và ông A không có con nuôi hay con riêng nào khác. Bà đã chia cho bà N 20 cao đất (phần này nguồn gốc là của mẹ chồng bà cho) và chia cho ông S 20 cao đất, phần đất tranh chấp là của bà, bà đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994 và xây nhà ở trên đất đến nay. Khi kê khai, đăng ký do bà không biết chữ nên có người ghi đơn đăng ký hộ, theo đơn đăng ký ghi nguồn gốc đất là thừa kế nhưng thực tế nguồn gốc đất là do bà nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Văn B và một người nữa nhưng do thời gian đã lâu nên bà không nhớ tên và cũng không biết người đó hiện nay ở đâu. Bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi ông A hy sinh nên đây là tài sản riêng của bà, không phải là di sản do ông A để lại nên bà không đồng ý chia theo yêu cầu của bà N và ông S.

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà đang giữ tại nhà, không thể chấp cho ai.

Theo các lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn M trình bày:

Hiện ông đang sống chung nhà với bà G. Ông và bà G đang quản lý, sử dụng phần đất tại thửa số 628, tờ bản đồ số 30, các phần đất khác hiện đang bỏ trống, không ai sử dụng. Ông thừa nhận lời trình bày của bà N về họ, tên cha, mẹ, anh chị em và quyền sử dụng đất tranh chấp là đúng. Bà G đã chia cho bà N và ông S mỗi người 20 cao đất, riêng phần đất đang tranh chấp là của bà G nhận chuyển nhượng từ sau khi ông A hy sinh nên đây không phải là di sản do ông A để lại.

Nay ông không yêu cầu chia quyền sử dụng đất tranh chấp. Nếu Tòa án chia thì ông không nhận mà giao phần của ông cho bà G được hưởng.

Theo các lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của ông M là đúng. Nay ông không yêu cầu chia quyền sử dụng đất tranh chấp. Nếu Tòa án chia thì ông không nhận mà giao phần của ông cho bà G được hưởng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị H** trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của ông **M** là đúng. Nay bà không yêu cầu chia quyền sử dụng đất tranh chấp. Nếu Tòa án chia thì bà không nhận mà giao phần của bà cho bà **G** được hưởng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 612, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị N**, ông **Võ Văn S** đối với bà **Nguyễn Thị G** về yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 14.477,2m² tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại **khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh**.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà **Nguyễn Thị G** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị H** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Võ Thị N** và ông **Võ Văn S** khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế do ông **Võ Văn A** để lại là quyền sử dụng đất diện tích 14.477,2m² tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại **khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh** cho bà **N** và ông **S** mỗi người được hưởng một phần đất ngang 6m, dài 60m trong thửa số 628, tờ bản

đồ số 30 và 20 cao đất ruộng nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

[3] Về di sản thừa kế: Bà **N** và ông **S** cho rằng quyền sử dụng đất diện tích 14.477,2m² tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại **khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh** là tài sản chung của ông A và bà **G**, được tạo lập từ khi ông A còn sống, nguồn gốc do ông A và bà **G** nhận chuyển nhượng từ người khác, nhưng nhận chuyển nhượng từ ai, vào thời điểm nào thì bà **N** và ông **S** không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Bà **G** cho rằng quyền sử dụng đất tranh chấp là do bà nhận chuyển nhượng từ ông **Phạm Văn B** và một người nữa nhưng do thời gian đã lâu nên bà không nhớ tên và cũng không biết người đó hiện nay ở đâu. Bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi ông A hy sinh.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc quyền sử dụng đất tranh chấp là nhận chuyển nhượng từ người khác, không phải là tài sản được thừa kế như thể hiện trong hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **G**.

Qua thu thập hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **G** thể hiện, bà **G** đã kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994. Hơn nữa, qua kết quả xác minh thể hiện, quyền sử dụng đất bà **G** xây nhà ở có nguồn gốc là do nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông **Phạm Văn B** và bà **Đặng Thị X** từ sau giải phóng, trong khi ông A đã hy sinh từ năm 1974.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định quyền sử dụng đất diện tích 14.477,2m² tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại **khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh** là tài sản riêng của bà **G**, không phải là di sản thừa kế do ông **Võ Văn A** để lại. Bà **G** không đồng ý chia quyền sử dụng đất trên cho bà **N** và ông **S** là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Kết quả xem xét thẩm định thực tế và định giá quyền sử dụng đất tranh chấp thể hiện như sau:

[4.1] Quyền sử dụng đất diện tích 5.249,6m² (trong đó có 400m² loại đất ODT và 4.849,6m² loại đất CLN), tọa lạc tại thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30 (bản đồ lưới 2005), **khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh**, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa số 572 dài 12,4m; giáp thửa số 635 dài 115,19m;

Phía Tây giáp thửa số 590 dài 31m + 10,7m; giáp thửa số 634 dài 50,01m + 2,91m + 18,09m + 47,79m;

Phía Nam giáp đường đất dài 29,95m;

Phía Bắc giáp thửa số 571 dài 33,77m + 4,11m.

Trên đất có 01 căn nhà chữ đình, các công trình phụ và các cây trồng trên đất do bà **Nguyễn Thị G** đang quản lý, sử dụng.

Kết quả định giá quyền sử dụng đất có giá thực tế chuyển nhượng tại địa phương là 3.793.816.000 đồng.

[4.2] Quyền sử dụng đất diện tích 3.640,6m², loại đất LUK, tọa lạc tại các thửa đất số 38, 56, 80, tờ bản đồ số 39 (bản đồ lưới 2005), **kh. phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh**, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa số 02 dài 20,56m + 17,72m; giáp thửa số 101 dài 0,78m + 3,53m + 11,83m;

Phía Tây giáp tờ bản đồ số 38 dài 11,63m + 7,24m + 9,13m + 13,86m + 16,53m + 1,45m;

Phía Nam giáp tờ bản đồ số 38 dài 20,65m + 4,82m; giáp thửa số 100 dài 9,64m + 8,30m + 3,50m; giáp thửa số 101 dài 17,96m;

Phía Bắc giáp tờ bản đồ số 38 dài 13,64m; giáp thửa số 25 dài 4,39m + 23,74m + 4,86m + 5,01m; giáp thửa số 02 dài 11,59m.

Kết quả định giá quyền sử dụng đất có giá thực tế chuyển nhượng tại địa phương là 618.902.000 đồng.

[4.3] Quyền sử dụng đất diện tích 2.740m², loại đất LUK, tọa lạc tại các thửa đất số 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39 (bản đồ lưới 2005), **kh. phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh**, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa số 198 dài 9,37m + 2,93m + 2,3m + 6,56m; giáp phần còn lại của thửa 221 dài 11,18m; giáp phần còn lại của thửa 220 dài 14,17m; giáp thửa số 240 dài 33,81m + 1,48m; giáp thửa số 273 dài 21,18m + 3,53m + 10,72m;

Phía Tây giáp thửa số 173 dài 12,02m + 4,71m; giáp thửa số 196 dài 11,07m; giáp thửa số 195 dài 12,32m; giáp thửa số 219 dài 13,81m; giáp thửa số 238 dài 20,84m; giáp thửa số 253 dài 14,51m; giáp thửa số 270 dài 4,09m + 11,68m; giáp thửa số 271 dài 22,59m;

Phía Nam giáp thửa số 287 dài 22,64m;

Phía Bắc giáp thửa số 174 dài 23,61m.

Kết quả định giá quyền sử dụng đất có giá thực tế chuyển nhượng tại địa phương là 465.800.000 đồng.

[4.4] Quyền sử dụng đất diện tích 2.847m², loại đất LUK, tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396 và một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38 (bản đồ lưới 2005), khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa số 331 dài 30,13m; giáp thửa số 374 dài 16,71m + 43,34m;

Phía Tây giáp thửa số 372 dài 29,55m; giáp phần còn lại của thửa số 373 dài 14,92m + 16,61m + 45,92m;

Phía Nam giáp thửa số 430 dài 2,51m; giáp thửa số 431 dài 9,26m + 9,63m + 3,6m;

Phía Bắc giáp thửa số 301 dài 5,11m; giáp thửa số 302 dài 9,74m + 5,98m; giáp thửa số 303 dài 16,23m + 4,97m

Kết quả định giá quyền sử dụng đất có giá thực tế chuyển nhượng tại địa phương là 483.990.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị N** và ông **Võ Văn S** về việc yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 14.477,2m² tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại **khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh**.

[6] Như phân tích trên có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền 6.650.000 đồng, ghi nhận bà **N**, ông **S** tự nguyện chịu (đã nộp xong).

[8] Về án phí: Bà **N** là người cao tuổi, ông **S** là con của liệt sĩ nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị N** và ông **Võ Văn S** đối với bà **Nguyễn Thị G** về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 14.477,2m² tọa lạc tại các thửa đất số 330, 396, một phần thửa 373, tờ bản

đồ số 38; các thửa đất số 38, 56, 80, 197, 239, 272, một phần thửa 220, một phần thửa 221, tờ bản đồ số 39; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại khu phố L P, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền 6.650.000 (Sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng bà Võ Thị N và ông Võ Văn S tự nguyện chịu, ghi nhận đã nộp xong.

3. Án phí:

Bà Võ Thị N và ông Võ Văn S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Võ Văn S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014626, ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc

